

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT

Ngày 23-6-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung và giải quyết nợ
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phùng Đức Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23-5-2025, 20-6-2025 và 23-6-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 24-01-2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 24-02-2025, Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 10-4-2025, Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 28-4-2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2025/QĐPT-DS ngày 23-5-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huyền T ; địa chỉ: Đường Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Chu Thị Nguyễn P - Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Bùi Thị T - Luật sư Văn phòng luật sư A, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Khu đô thị N, đường V, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Anh Hồ Lâm T; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; hiện trú tại: Đường V, khu đô thị N, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Tài H - Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ngân hàng thương mại cổ phần T; địa chỉ: Đường Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Đường T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội (văn bản uỷ quyền ngày 06-3-2024); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng A; địa chỉ: Phố L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tô Thị Xuân L - Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh Đ; địa chỉ: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản uỷ quyền ngày 27-12-2023); vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Khu tái định cư P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng K; có mặt ngày 23-5-2025, vắng mặt các ngày 20, 23-6-2025.

4. Bà Tăng Thuý V; có mặt ngày 23-5-2025, vắng mặt các ngày 20, 23-6-2025.

Cùng địa chỉ: Đường Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Hồ Lâm T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 26-9-2018, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 30-12-2019 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Về con chung, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T có 02 con chung là cháu Hồ Tuệ A, sinh ngày 20-4-2020 và cháu Hồ Tuệ V, sinh ngày 18-10-2021.

Về tài sản chung gồm có:

- Nhà, đất tại khu đô thị N, xã H, thành phố L thuộc thửa đất số 595, 596, diện tích mỗi thửa là 87,5m², cùng tờ bản đồ số 96 xã H, thành phố L. Thửa đất số 595, 596 đã được cấp GCNQSDĐ ngày 26-3-2021 mang tên Hồ Lâm T, Nguyễn

Huyền T. Tài sản trên đất hiện có: 01 ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên cả hai thửa đất số 595 và 596, xây vào năm 2021, sân lát gạch bê tông, diện tích 70,4m², công trình phụ,... Trên đất hiện có 01 cây Mít, 01 cây Hoa Giấy,... Các đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá và không yêu cầu phân chia các cây trên đất và các tài sản là đồ vật, đồ dùng trong gia đình.

- 01 Xe ô tô PEUGEOT màu trắng, biển kiểm soát 12A-130**, đăng ký xe mang tên Nguyễn Huyền T ;

- Số tiền tiết kiệm 500.000.000 đồng gửi tiết kiệm online tại Ngân hàng T (chị Nguyễn Huyền T đã rút tiêu hết, hiện nay không còn khoản tiền này);

- Số tiền 1.850.000.000 đồng anh Hồ Lâm T chuyển khoản vào tài khoản T của Nguyễn Huyền T ;

- Căn chung cư số T30.22**, thuộc dự án M tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Về nợ chung gồm có:

- Khoản nợ tại Ngân hàng A, nợ gốc và lãi tính đến ngày 25-7-2024 là 3.135.771.817 đồng;

- Khoản nợ tại Ngân hàng T, nợ gốc và lãi tính đến ngày 25-7-2024 là 3.257.910.155 đồng.

Về cho vay chung, có khoản 1.700.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T vay. Ngoài ra, anh Hồ Lâm T trình bày có thêm khoản 300.000.000 đồng cho bà Tăng Thuý V (mẹ chị Nguyễn Huyền T) vay.

Nguyên đơn chị Nguyễn Huyền T trình bày: Chị và anh Hồ Lâm T được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh Hồ Lâm T được khoảng vài tháng, rồi lại chuyển về nhà bố mẹ chị Nguyễn Huyền T sinh sống. Tháng 4-2020, vợ chồng ra ở riêng tại số **, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là nhà số ** đường Đ). Đầu năm 2021, vợ chồng bán nhà đất tại nhà số ** đường Đ để mua đất và xây nhà tại khu đô thị N và chuyển về sinh sống tại đó từ tháng 10-2021. Đến tháng 8-2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về các khoản nợ do làm ăn khó khăn. Từ tháng 8-2023, vợ chồng đã sống ly thân, hiện nay chị Nguyễn Huyền T sống tại nhà bố mẹ đẻ, còn anh Hồ Lâm T sống tại nhà ở khu đô thị N. Nay chị Nguyễn Huyền T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Huyền T yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Lâm T. Về con chung, chị Nguyễn Huyền T yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Hồ Lâm T cấp dưỡng. Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Huyền T không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Lâm T có yêu cầu chia nên chị Nguyễn Huyền T có ý kiến như sau:

Về tài sản chung:

- Nhà, đất tại N: Nguồn tiền để mua đất, nhà do bán nhà, đất tại thửa 19 ở số **, đường Đ được 3,3 tỷ và vay thêm Ngân hàng A 3 tỷ. Đất thửa 19 do bố anh Hồ Lâm T cho, còn nhà xây dựng trên thửa 19 do bố mẹ chị Nguyễn Huyền T cho tiền xây. Do đó, chị Nguyễn Huyền T yêu cầu được sở hữu nhà, đất N và sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung tại Ngân hàng A.

- Xe ô tô: Nguồn tiền mua xe do mẹ chị Nguyễn Huyền T cho, mua với giá 1,4 tỷ. Ban đầu, chị Nguyễn Huyền T xác định là tài sản chung nên đồng ý chia đôi, tuy nhiên do anh Hồ Lâm T cho rằng đất tại khu đô thị N là tài sản riêng, nên chị Nguyễn Huyền T xác định xe ô tô là tài sản riêng của chị Nguyễn Huyền T, không đồng ý chia.

- 500.000.0000 đồng gửi tiết kiệm: Số tiền này chị Nguyễn Huyền T đã sử dụng để chi tiêu, đóng tiền học, tiền bảo hiểm cho hai con, hiện không còn để chia.

- 1.850.000.000 đồng anh Hồ Lâm T chuyển khoản vào tài khoản chị Nguyễn Huyền T: Trong quá trình làm ăn, kinh doanh, hai vợ chồng chị đã chuyển tiền trên tài khoản cho nhau nhiều lần, đó đều là tiền để làm ăn, bản thân chị cũng đã chuyển tiền vào tài khoản tên anh Hồ Lâm T rất nhiều lần, nhiều hơn số tiền anh Hồ Lâm T chuyển cho chị. Ngoài ra, khi hai vợ chồng làm ăn, có những lúc bị thua lỗ, mất rất nhiều tiền vì vậy vợ chồng mới xảy ra cãi chửi nhau, khi đó chị vẫn tiếp tục đi làm kiếm tiền, còn anh Hồ Lâm T gần 1 năm chỉ ở nhà không đi làm. Nay anh Hồ Lâm T khai và yêu cầu chia số tiền 1.850.000.000 đồng này chị không chấp nhận vì thực tế không có khoản tiền này để phân chia.

- Căn chung cư ở Hà Nội: Chị Nguyễn Huyền T trình bày đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, căn chung cư do mẹ đẻ chị Nguyễn Huyền T mua, chỉ có nhờ chị đứng tên trên hợp đồng mua bán. Hiện nay, căn chung cư đang được thế chấp tại Ngân hàng T, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia căn nhà này.

Về nợ chung:

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng A: Ban đầu vợ chồng chị vay tổng số tiền là 9 tỷ, thế chấp bằng sổ đỏ 02 thửa thừa 595, 596 tại N và tài sản của em trai chị là Nguyễn Trọng K. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng chị chỉ sử dụng 3 tỷ, còn 6 tỷ vay hộ em trai để kinh doanh. Tháng 4-2024, gia đình chị đã trả Ngân hàng A 6 tỷ và rút tài sản đảm bảo mang tên Nguyễn Trọng K ra, nay chỉ còn khoản nợ gốc 3 tỷ và lãi phát sinh là nợ chung của vợ chồng chị. Chị đồng ý chia đôi khoản nợ, mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng A.

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng T: Nhất trí với yêu cầu độc lập của Ngân hàng, tự nguyện thỏa thuận chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ, nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là căn chung cư ở Hà Nội. Nếu tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng ý tiếp tục chia đôi trả số tiền nợ còn thiếu.

Về cho vay chung:

- 1,7 tỷ cho ông Nguyễn Văn T vay: Mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc, lãi = 876.547.921 đồng;

- 300 triệu cho bà Tăng Thuý V vay: Chị Nguyễn Huyền T xác định không có khoản vay này, nên không nhất trí yêu cầu chia nợ chung khoản vay này theo yêu cầu của anh Hồ Lâm T.

Bị đơn có yêu cầu phản tố anh Hồ Lâm T trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống theo như chị Nguyễn Huyền T trình bày là đúng, nay chị Nguyễn Huyền T xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu xin ly hôn, anh cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Huyền T. Về con chung, anh đề nghị nuôi cháu Hồ Tuệ A, còn chị Nguyễn Huyền T nuôi cháu Hồ Tuệ V, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung:

- Nhà, đất tại N: Nguồn tiền để mua 02 thửa đất ở N là do bán nhà đất ở số 19 Đèo Giang được 3,3 tỷ để mua. Sau khi mua đất, còn dư khoảng 400 triệu đồng, vợ chồng anh đã vay thêm Ngân hàng A 3 tỷ, dùng 1,3 tỷ để xây nhà, còn 1,7 tỷ cho ông Nguyễn Văn T vay lại. Do đó, anh Hồ Lâm T xác định 02 thửa đất là tài sản riêng của anh Hồ Lâm T, còn nhà 3 tầng trên đất được xây bằng một phần tiền bán tài sản riêng và tiền vay Ngân hàng, nên nhà là tài sản chung. Sau đó, anh Hồ Lâm T thay đổi, xác định cả nhà và đất tại N là tài sản chung, tuy nhiên anh có công sức đóng góp nhiều hơn, nên anh yêu cầu được nhận 75% giá trị nhà đất, chị Nguyễn Huyền T được 25% giá trị còn lại. Do nhà đất đang thế chấp tại Ngân hàng A, nên anh yêu cầu được sở hữu, sử dụng và anh sẽ có trách nhiệm trả bằng tiền cho chị Nguyễn Huyền T phần giá trị tài sản chị Nguyễn Huyền T được nhận sau khi trừ đi phần nghĩa vụ trả nợ chung của chị Nguyễn Huyền T với Ngân hàng A.

- Xe ô tô: Hiện nay anh Hồ Lâm T đang quản lý, sử dụng xe. Khi ly hôn, anh đề nghị chia đôi giá trị xe, mỗi người 300.000.000 đồng; ai sử dụng xe thì có trách nhiệm trả bằng tiền cho người kia.

- 500 triệu đồng: Khi ly thân chị Nguyễn Huyền T vẫn thừa nhận có số tiền này, nay chị Nguyễn Huyền T sử dụng không được anh đồng ý, nên anh yêu cầu chị Nguyễn Huyền T trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền này là 250.000.000 đồng.

- 1 tỷ 850 triệu đồng: Số tiền này do anh Hồ Lâm T đi làm kiếm được và đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của chị Nguyễn Huyền T, mục đích để trả nợ Ngân hàng, nhưng chị Nguyễn Huyền T không trả nợ. Anh Hồ Lâm T yêu cầu chị Nguyễn Huyền T trả lại cho anh Hồ Lâm T $\frac{1}{2}$ số tiền, tương ứng là 925.000.000 đồng.

- Căn chung cư ở Hà Nội: Anh không yêu cầu phân chia mà để xử lý trả nợ cho Ngân hàng T theo yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

Về nợ chung:

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng A: Yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A.

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng T: Anh đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng T, nhất trí hai vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt và tiền thiếu khi xử lý tài sản bảo đảm như Ngân hàng T yêu cầu. Do không có khả năng thanh toán nợ nên anh muốn được bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Trường hợp bà Tăng Thúy V chứng minh được căn nhà trên là của bà Tăng Thúy V thì bà Tăng Thúy V phải tự chịu mọi trách nhiệm liên quan đến khoản vay với Ngân hàng.

Về cho vay chung:

- 1,7 tỷ cho ông Nguyễn Văn T vay: Anh yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho vợ chồng anh để chia cho mỗi người là 850.000.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn T phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi và lãi chậm trả mà Ngân hàng A đang cho vay, khoản tiền lãi phát sinh cũng được chia đều cho hai vợ chồng hoặc ông Nguyễn Văn T trả tiền nợ gốc và lãi vay này vào Ngân hàng A để trừ khoản nợ của vợ chồng anh.

- 300 triệu cho bà Tăng Thuý V vay: Anh không có giấy tờ chứng minh, tuy nhiên có tin nhắn chị Nguyễn Huyền T nhắn với anh, đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bà Tăng Thuý V có trách nhiệm trả lại số tiền này để chia đôi cho hai vợ chồng mỗi người 150.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng T: Ngày 06/9/2022 chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đã ký Hợp đồng tín dụng số TTC20229254**** với Ngân hàng T để vay số tiền là 3.234.173.317 đồng. Mục đích để thanh toán tiền mua Bất động sản tại Dự án Khu đô thị G căn số T30.22**; thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

Nay chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T ly hôn, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung gồm:

- Buộc chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng T với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/7/2024 tổng là 3.257.910.155 đồng (trong đó nợ gốc là 3.234.173.317 đồng và tiền lãi là 23.736.838 đồng); buộc chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T phải có trách nhiệm tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với ngân hàng, lãi suất thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng TTC20229254**** ngày 6/9/2022 và các khế ước nhận nợ các bên đã ký.

- Trường hợp, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Căn hộ số T30.22** tầng **, khối tháp ** cùng quyền sử dụng các phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung của khu căn hộ tại thửa đất số B tại Khu chung cư cao tầng trên ô quy hoạch B thuộc Dự án M, huyện G, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: T30.22**/ M/HĐMB ngày 29/7/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn B với chị Nguyễn Huyền T và Hợp đồng thế chấp số: TTC20229254****/HĐTC ngày 8/9/2022 để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ, thì chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng T.

- Đối với yêu cầu trả tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 259.257.712 đồng, nay Ngân hàng T xin rút phần yêu cầu này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A: Từ tháng 01/2023 chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đã vay Ngân hàng A tổng số tiền vay ban đầu là 9.000.000.000 đồng; tài sản bảo đảm là: Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/20221 đều mang tên Nguyễn Huyền T và Hồ Lâm T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CR 531***, số vào sổ cấp GCN: CS 02***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/02/2020 mang tên ông Nguyễn Trọng K.

Ngày 02/4/2024 chị Nguyễn Huyền T đã thanh toán 6.000.000.000 đồng và rút tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CR 531***, số vào sổ cấp GCN: CS 02***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/02/2020 mang tên ông Nguyễn Trọng K. Nay chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2024 tạm tính đến ngày 25/7/2024 là 135.771.817 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 3.135.771.817 đồng.

Hiện khoản vay đã quá hạn thanh toán, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T ly hôn và anh Hồ Lâm T yêu cầu giải quyết khoản nợ này, Ngân hàng A nhất trí theo yêu cầu của anh Hồ Lâm T, đề nghị chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng A và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng, lãi phát sinh được áp dụng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8402 ngày 17/01/2023 đã ký với Ngân hàng.

Trường hợp chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/20221 đều mang tên chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T, để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, thì chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả tiếp $\frac{1}{2}$ số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

Nhất trí với ý kiến, yêu cầu của chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đưa ra tại phiên tòa về việc giao tài sản thế chấp là nhà đất tại khu đô thị Ncho 1 người được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng và người được sở hữu, sử dụng nhà đất này sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng A để thuận tiện cho Ngân hàng A trong việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng A có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Huyền T về việc giao nhà đất tại khu đô thị N cho chị Nguyễn Huyền T được sở hữu, sử dụng và chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng A, bởi trong quá trình giao dịch qua nhiều năm, Ngân hàng A nhận thấy khả năng tài chính của gia đình chị Nguyễn Huyền T rất chắc chắn, nên sẽ thuận lợi cho Ngân hàng A khi giải quyết khoản nợ chung của chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng K trình bày: Anh là em trai ruột của chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T là anh rể. Năm 2023 anh có được nhờ chị Nguyễn Huyền T vay hộ số tiền 6.000.000.000 đồng tại Ngân hàng A chi nhánh Đ, thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 14 tờ bản đồ số 43 (1999-2000) địa chỉ đất tại Khu L, thị trấn L, huyện L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CR 531***, số vào sổ cấp GCN: CS 02***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/02/2020 mang tên Nguyễn Trọng K để lấy tiền kinh doanh. Khoản nợ 6.000.000.000 đồng này là nợ riêng của anh nhờ chị Nguyễn Huyền T đứng tên vay hộ, hàng tháng anh là người thanh toán tiền lãi của khoản nợ này với Ngân hàng, không liên quan đến chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T. Hiện khoản vay này gia đình anh đã trả nợ xong cho Ngân hàng và rút tài sản bảo đảm của anh về, nay anh không còn liên quan gì trong vụ án xin ly hôn của chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T. Có 1 lần anh thấy chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T nói chuyện, anh Hồ Lâm T có lời nói dọa nạt khiến chị Nguyễn Huyền T sợ, còn việc ly hôn do chị Nguyễn Huyền T tự quyết định, anh không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thúy V trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Huyền T và là mẹ vợ của anh Hồ Lâm T. Việc chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T mâu thuẫn dẫn đến ly hôn bà không có ý kiến, tùy hai con quyết định. Căn chung cư số T30.22** tại Khu chung cư cao tầng trên ô quy hoạch B3-CT03 thuộc Dự án M có địa chỉ tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội là của bà mua, giá trị căn nhà khi mua là 4.000.000.000 đồng, đã trả được 700.000.000 đồng và bà nhờ chị Nguyễn Huyền T đứng tên trong hợp đồng mua, sau đó đã thế chấp vay tiền Ngân hàng T trả tiền mua nhà, hiện còn nợ Ngân hàng T khoảng hơn 3.000.000.000 đồng. Do Nguyễn Huyền T đứng tên trong hợp đồng mua bán nên khi vay hai vợ chồng Nguyễn Huyền T, Hồ Lâm T phải đứng tên ký các hợp đồng với Ngân hàng. Nay Ngân hàng T yêu cầu vợ chồng Nguyễn Huyền T, Hồ Lâm T trả nợ là đúng. Vì hiện chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T chưa yêu cầu giải quyết căn nhà này nên bà cũng chưa yêu cầu gì. Còn việc anh Hồ Lâm T khai bà nợ 300.000.000 đồng là không đúng, bà không được vay nên không chấp nhận trả. Khi hai con sống chung, bà đã lo cho rất nhiều thứ, mua sắm đồ dùng trong nhà, đóng tiền học cho các cháu, định hướng cho hai con làm ăn, nhường mỗi làm ăn cho các con để tự lo làm kinh tế, luôn hỗ trợ về kinh tế khi các con cần, mà không bao giờ tính toán.

Ngoài ra tiền xây nhà tại số ** Đ trước đây cũng là do bà cho tiền để xây, nhưng vì là mẹ con nên khi cho bà không viết giấy tờ; chiếc xe ô tô đăng ký mang tên Nguyễn Huyền T cũng là do bà cho tiền để mua, đó là bà cho riêng chị Nguyễn Huyền T, không phải cho chung vợ chồng. Nay Nguyễn Huyền T và Hồ Lâm T ly hôn và tranh chấp tài sản, bà khẳng định không liên quan gì, nên không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:
Ông là chú họ của chị Nguyễn Huyền T. Hiện ông còn nợ chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T số tiền là 1.700.000.000đ. Nay chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T ly hôn, có yêu cầu ông trả nợ, ông đồng ý trả cho chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, còn tiền lãi trước đây là do ông trả toàn bộ cho khoản nợ 3.000.000.000 đồng chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T vay tại ngân hàng; nay ông chỉ chấp nhận trả khoản tiền lãi của số nợ 1.700.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Do bận công việc không tham gia tố tụng được nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 03/QĐ-SCBSBA ngày 22/8/2025, đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Tuệ V cho chị Nguyễn Huyền T và giao cháu Hồ Tuệ A cho anh Hồ Lâm T, có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cả hai đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, xử:

3.1. Giao 02 thửa đất số 595 và 596, đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 96 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cùng toàn bộ nhà và các tài sản có trên đất tại khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS-07** (cho thửa 595) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS-07*** (cho thửa 596), cấp cùng ngày 26/3/2021 và mang tên “ông Hồ Lâm T và bà Nguyễn Huyền T” cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng. Nhà và 2 thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 594; phía Tây giáp thửa đất số 597; phía Nam giáp đường V; phía Bắc giáp phần đất làm khe thoát của khu đô thị.

3.2. Giao chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu PECGEOT, biển kiểm soát 12A - 130**, đăng ký xe mang tên Nguyễn Huyền T cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng; anh Hồ Lâm T có trách nhiệm bàn giao chiếc xe ô tô trên cho chị Nguyễn Huyền T.

3.3. Buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả cho anh Hồ Lâm T các khoản tiền gồm: Số tiền 1.115.932.309 đồng (một tỷ, một trăm mười lăm triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm linh chín đồng) là giá trị tài sản anh Hồ Lâm T được chia đối với nhà đất tại khu đô thị Nsau khi đã trừ nghĩa vụ trả nợ chung tại Ngân hàng A và 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) là phần giá trị của chiếc xe ô tô và 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là $\frac{1}{2}$ số tiền tiết kiệm, là toàn bộ giá trị tài sản mà anh Hồ Lâm T được chia.

3.4. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T số tiền nợ gốc và lãi lãi tạm tính đến ngày 25/7/2024 tổng là 1.753.095.842 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu, không trăm chín lăm ngàn, tám trăm bốn hai đồng), cụ thể trả cho mỗi người là 876.547.921 đồng (tám trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn bảy ngàn, chín trăm hai một đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Lâm T đòi chia số tiền 1.850.000.000.000 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đòi bà Tăng Bích Vân, vì không có căn cứ.

5. Về trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng A: Chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A với số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/7/2024 là 3.135.771.817 đồng (ba tỷ một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm bảy một ngàn, tám trăm mười bảy đồng), (bao gồm 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) tiền nợ gốc và 73.634.831 đồng (bảy mươi ba triệu, sáu trăm ba bốn ngàn, tám trăm ba một đồng) tiền lãi trong hạn và 62.136.986 đồng (sáu mươi hai triệu, một trăm ba sáu ngàn, chín trăm tám sáu đồng) tiền lãi quá hạn) theo hợp đồng tín dụng số 8402LAV202300016 ký ngày 17/01/2023 và chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A, lãi suất được áp dụng theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8402LAV202300016 ký ngày 17/01/2023 với Ngân hàng A.

Trường hợp chị Nguyễn Huyền T không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CX894***, số vào sổ cấp GCN: CS 07***, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/03/20221 đều mang tên chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T, để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, thì buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng A.

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T. Về trách nhiệm thanh toán nợ, cụ thể:

6.1. Chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc làm tròn là 1.617.086.659 đồng (một tỷ sáu

trăm mười bảy triệu, không trăm tám sáu ngàn, sáu trăm năm chín đồng) và 11.868.419 đồng (mười một triệu, tám trăm sáu tám ngàn, bốn trăm mười chín đồng) tiền lãi tạm tính đến ngày 25/7/2024 và có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng TTC20229254**** đã ký ngày 6/9/2022 và các khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp chị Nguyễn Huyền T hoặc anh Hồ Lâm T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ số T30.22** tại tầng **, khối tháp ** cùng quyền sử dụng các phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung của khu căn hộ tại thửa đất số B Khu chung cư cao tầng trên ô quy hoạch B3-CT03 thuộc Dự án M có địa chỉ tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp xong không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả tiếp $\frac{1}{2}$ số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng T.

6.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền phạt là 259.257.712 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm bảy ngàn, bảy trăm mười hai đồng), do Ngân hàng T rút tại phiên tòa.

7. Về chi phí tố tụng

Buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hồ Lâm T số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí tố tụng anh Hồ Lâm T đã tạm ứng thanh toán.

Xác nhận chi phí tố tụng xem xét, xác minh tài sản tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội, Ngân hàng T đã chi nay tự nguyện chịu toàn bộ.

8. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

9. Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 113.177.343 đồng (một trăm mười ba triệu, một trăm bảy bảy ngàn, ba trăm bốn ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Huyền T phải chịu là 113.252.343 đồng (một trăm mười ba triệu, hai trăm năm hai ngàn, ba trăm bốn ba đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Nguyễn Huyền T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000180 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, buộc chị Nguyễn Huyền T phải nộp tiếp số tiền án phí là 112.952.343 đồng (một trăm mười hai triệu, chín trăm năm hai ngàn, ba trăm bốn ba đồng).

Anh Hồ Lâm T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 113.679.321 đồng (một trăm mười ba triệu, sáu trăm bảy

chín ngàn, ba trăm hai một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí anh Hồ Lâm T phải chịu là 113.754.321 đồng (một trăm mười ba triệu, bảy trăm năm bốn ngàn, ba trăm hai một đồng), được khấu trừ vào số tiền 57.975.000 đồng (năm mươi bảy triệu, chín trăm bảy lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Hồ Lâm T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000084 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, buộc anh Hồ Lâm T phải nộp tiếp số tiền án phí là 55.779.321 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy chín ngàn, ba trăm hai một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 50.999.000 đồng (năm mươi triệu, chín trăm chín chín ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000193 ngày 02/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, Bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị cụ thể như sau:

Bị đơn anh Hồ Lâm T kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giao nhà, đất tại N cho anh Hồ Lâm T; chia cho anh Hồ Lâm T được hưởng 80% giá trị nhà, đất tại N; tính lại khoản nợ 3.135.771.817 đồng tại Ngân hàng A, vì cho rằng khoản này đã bao gồm 1.700.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T vay, nợ chung thực tế là 1.435.771.817 đồng nên Bản án sơ thẩm xác định số tiền chị Nguyễn Huyền T phải trả cho anh Hồ Lâm T khi sở hữu nhà đất N là 1.115.932.309 đồng là không chính xác.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị huỷ Bản án sơ thẩm do vi phạm về tố tụng, nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Hồ Lâm T thay đổi kháng cáo, cụ thể: Anh Hồ Lâm T đồng ý để chị Nguyễn Huyền T quản lý sử dụng sở hữu tài sản chung là nhà đất ở khu đô thị N và buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị tài sản nhà đất ở N cho anh tương ứng 80% giá trị tài sản nhà đất tại N; yêu cầu chị Nguyễn Huyền T phải trả cho anh số tiền 67.000.000 đồng do anh đã thanh toán với Ngân hàng A sau khi xét xử sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Toàn bộ giá trị nhà đất tại thửa đất 19, tờ bản đồ 23 tọa lạc tại số **, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là của ông Hồ Đình T (bố của anh Hồ Lâm T), sau khi xây dựng xong, vào tháng 4-2020 đã tặng cho riêng anh Hồ Lâm T, không có ai góp công góp của để xây ngôi nhà này ra ngoài vợ chồng ông Hồ Đình T và bà Lê Thị H. Cũng như, 2,8 tỷ đồng bỏ ra để mua 02 thửa đất số 595, 596 cùng tờ bản đồ số 96 khu đô thị N, thành phố Lạng Sơn nguồn tiền do bán nhà, đất số **, đường Đ cho bà Vũ Thị L để mua, số tiền còn lại 500 triệu đồng dùng để xây nhà trên 02 thửa đất này và vay thêm Ngân hàng A - chi nhánh Đ 1,3 tỷ đồng để hoàn thiện. Nay anh Hồ Lâm T yêu cầu được nhận 80% trong tổng số

tiền trị giá nhà, đất = 4.995.659.000 đồng x 80% = 3.996.527.000 đồng bằng tiền và giao cho chị Nguyễn Huyền T quyền quản lý, sử dụng nhà đất là nhân văn và đúng quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Huyền T không nhất trí với nội dung kháng cáo, kháng nghị, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Chị Nguyễn Huyền T không chấp nhận trả cho anh Hồ Lâm T số tiền 67.000.000 đồng anh Hồ Lâm T đã thanh toán với Ngân hàng A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Anh Hồ Lâm T kháng cáo yêu cầu được chia 80% giá trị nhà đất tại Khu đô thị N là hoàn toàn không có căn cứ. Xét về công sức đóng góp trong việc mua đất, xây nhà tại 02 thửa đất số 595, 596 tờ bản đồ số 96 khu đô thị N: Nhà, đất tại N này do chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T cùng đứng tên trên GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đây là tài sản chung của chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T. Về tiền mua đất ở N lấy từ tiền bán nhà đất tại số ** Đ. Sau khi mua đất, chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T vay tiền của Ngân hàng A để xây nhà. Tòa án cấp sơ thẩm phân chia đôi với nhà đất tại khu đô thị N cho chị Nguyễn Huyền T 40%, anh Hồ Lâm T 60% là đã xem xét đến phần công sức đóng góp của từng bên. Trong khi đó, chị Nguyễn Huyền T có công sức đóng góp nhiều hơn. Do đó, việc anh Hồ Lâm T kháng cáo yêu cầu được chia 80% là hoàn toàn không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có có yêu cầu độc lập Ngân hàng T trình bày: Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng phải công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về yêu cầu độc lập, là không đúng vì: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không có sự thỏa thuận, vẫn còn có sự mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ. Yêu cầu giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm về phần giải quyết yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn đều xác định 02 thửa đất số 595, 596 có nguồn gốc từ việc anh Hồ Lâm T chuyển nhượng nhà và đất số 19 tại số ** Đ được 3.300.000.000 đồng, mua 2 lô đất hết 2.800.000.000 đồng, còn dư khoảng 500.000.000 đồng, anh chị thế chấp 02 lô đất để vay thêm Ngân hàng A chi nhánh Đ để hoàn thiện nhà trên đất. Ngày 30-3-2020 anh Hồ Lâm T được ông Hồ Đình T, bà Lê Thị H tặng cho riêng thửa đất số 19 tờ bản đồ số 23 diện tích 78,5m², ngày 09-4-2020 anh Hồ Lâm T được điều chỉnh tên trên Giấy chứng nhận (khi đó vợ chồng anh Hồ Lâm T đã kết hôn từ năm 2019).

Nguồn tiền để mua 02 thửa đất số 595 và 596 tại khu đô thị N và xây dựng nhà trên đất phát sinh từ cả tài sản riêng và tài sản chung, cùng với khoản vay chung của hai vợ chồng mà có. Sau khi bán tài sản riêng cùng tài sản chung vợ chồng tại số ** Đ để mua 02 thửa đất số 595 và 596 và xây dựng nhà tại khu đô thị N, anh Hồ Lâm T đã xác lập phần tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung vợ chồng, tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Hồ Lâm T và chị Nguyễn Huyền T nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, cần xem xét đến nguồn gốc hình thành tài sản để tính công sức đóng góp từ phía bị đơn nhiều hơn; Bản án sơ thẩm đánh giá và xác định việc phân chia tài sản chung theo tỷ lệ anh Hồ Lâm T được hưởng 60% giá trị tài sản chung, chị Nguyễn Huyền T được hưởng 40% giá trị tài sản chung là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cả hai bên đương sự. Bị đơn anh Hồ Lâm T kháng cáo yêu cầu được hưởng 80% giá trị nhà và đất tại khu đô thị N là không có căn cứ.

Về nghĩa vụ đối với nợ chung: Bản án sơ thẩm đã quyết định giao nhà và đất tại khu đô thị N cho chị Nguyễn Huyền T được quản lý, sử dụng và chị Nguyễn Huyền T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Công nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Đ số tiền cả gốc và lãi là 3.135.771.817 đồng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29-8-2024 chị Nguyễn Huyền T đã thanh toán 1.566.904.109 đồng, ngày 14-2-2025, ông Hồ Đình T đã thanh toán 1.620.000.000 đồng cho Ngân hàng A, Ngân hàng xác định đến hết ngày 14-02-2025 thì dư nợ của anh Hồ Lâm T chị Nguyễn Huyền T tại Ngân hàng Công nghiệp bằng không nhưng hiện nay anh Hồ Lâm T, chị Nguyễn Huyền T đều chưa yêu cầu xóa thế chấp tại Ngân hàng để chờ kết quả giải quyết vụ án ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thống nhất được về việc trả nợ lãi quá hạn cho ngân hàng. Do anh Hồ Lâm T đã thanh toán 1.620.000.000 đồng cho Ngân hàng A nên cần giao nhà và đất tại khu đô thị N cho chị Nguyễn Huyền T được quản lý, sử dụng. Chị Nguyễn Huyền T có nghĩa vụ thanh toán 1.620.000.000 đồng cho anh Hồ Lâm T và phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh Hồ Lâm T bao gồm số tiền 1.115.932.309 đồng giá trị tài sản anh Hồ Lâm T được chia đối với nhà đất tại khu đô thị N sau khi đã trừ đi nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A, số tiền 240.000.000 đồng là giá trị xe ô tô và 250.000.000 đồng là ½ số tiền tiết kiệm của hai vợ chồng. Tổng số tiền mà chị Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho anh Hồ Lâm T là 3.225.922.309 đồng.

Đối với nội dung kháng nghị:

Bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng, nội dung cụ thể: Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về đất và tài sản trên đất, nhưng chỉ vẽ sơ đồ đất bằng tay mà không trích đo diện tích đất, cũng không thể hiện tài sản trên đất nên là chưa đảm bảo. Tuy nhiên, nội dung này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng, tại Bản tự khai ngày 08-11-2023, anh Hồ Lâm T trình bày vợ chồng anh cho bà Tăng Thúy V vay 300.000.000 đồng và yêu cầu bà Vân trả cho anh và chị Nguyễn Huyền T mỗi người 150.000.000 đồng; yêu cầu này Tòa án sơ thẩm chưa thụ lý theo quy định, nhưng bản án sơ thẩm nhận

định và quyết định không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Lâm T đòi bà Tăng Thúy V là không đúng quy định tại Điều 5, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cấp phúc thẩm cần hủy và đình chỉ giải quyết đối với nội dung này.

Về việc xác định nghĩa vụ chịu án phí, Bản án sơ thẩm xác định án phí không đúng, ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T số tiền nợ gốc và lãi nhưng không buộc ông Tuệ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện để nộp ngân sách Nhà nước là vi phạm.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng T: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng đã có văn bản trình bày nhận đủ số tiền chi phí tố tụng còn lại và việc Tòa án ghi số tiền 1.600.000 đồng là nhầm lẫn, Ngân hàng không có ý kiến gì về nội dung này nên nội dung này đã được khắc phục.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất được nghĩa vụ trả nợ chung, theo đó chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T nhất trí với các yêu cầu độc lập của Ngân hàng T. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng T là không phù hợp.

Ngoài ra, anh Hồ Lâm T nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nhưng Bản án sơ thẩm không xác định anh Hồ Lâm T là bị đơn có yêu cầu phản tố, không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn mà ban hành Thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của bị đơn anh Hồ Lâm T là không chính xác. Tuy nhiên, các nội dung này không ảnh hưởng đến quyền lợi đương sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên thấy những vi phạm nêu trên của Bản án sơ thẩm có thể khắc phục được nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hồ Lâm T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo hướng:

Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất số 595 và 596 thuộc tờ bản đồ 96 bản đồ địa chính xã Hoàng Đồng cùng toàn bộ nhà và các tài sản trên đất tại khu đô thị NI, thành phố Lạng Sơn. Chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T có nghĩa vụ đăng ký kê khai, điều chỉnh biến động GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật. Giao chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu PEOGEOT biển kiểm soát 12A-130** đăng ký xe mang tên Nguyễn Huyền T cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng.

Buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm thanh toán cho anh Hồ Lâm T các khoản tiền gồm: 1.620.000.000 đồng là khoản tiền anh Hồ Lâm T đã thanh toán nợ cho Ngân hàng A thay cho chị Nguyễn Huyền T, số tiền 1.115.932.309 đồng giá trị tài sản anh Hồ Lâm T được chia đối với nhà đất tại khu đô thị Nsau khi đã trừ đi nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A, số tiền 240.000.000 đồng là giá

trị xe ô tô và 250.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền tiết kiệm của hai vợ chồng. Tổng số tiền mà chị Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho anh Hồ Lâm T là 3.225.922.309 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Công nghiệp: Xác nhận chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đã thanh toán xong khoản nợ tại Ngân hàng Công nghiệp, các bên có nghĩa vụ tắt toán hợp đồng theo quy định.

Hủy và đình chỉ giải quyết đối với số tiền 300.000.000 đồng anh Hồ Lâm T yêu cầu bà Tăng Thúy V có nghĩa vụ thanh toán.

Xem xét lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của đương sự theo quy định của pháp luật trong đó buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị phải thanh toán cho anh Hồ Lâm T, chị Nguyễn Huyền T.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Hồ Lâm T.

Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, có đương sự vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại tòa, anh Hồ Lâm T thay đổi kháng cáo yêu cầu được hưởng 80% giá trị nhà, đất tại N; giao cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sử dụng nhà đất và thanh toán bằng tiền 80% giá trị nhà, đất tại N cho anh Hồ Lâm T. Chị Nguyễn Huyền T phải trả cho anh số tiền 67.000.000 đồng anh đã thanh toán với Ngân hàng A. Xét kháng cáo của bị đơn anh Hồ Lâm T, thấy rằng:

[3] Tài sản chung là nhà, đất tại N, gồm: Thửa đất số 595 và 596, mỗi thửa có diện tích là 87,5m², đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 96, địa chỉ tại khu đô thị NI, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cấp ngày 26-3-2021 mang tên ông Hồ Lâm T và bà Nguyễn Huyền T. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2021, sân bê tông, tường rào, cổng, 01 cây mít, 01 cây hoa giấy và một vài cây cảnh trang trí. Các đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá và không yêu cầu phân chia các cây trên đất và các tài sản là đồ vật, đồ dùng trong gia đình. Tổng giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất là 4.995.659.000 đồng.

[4] Xét nguồn gốc nhà, đất tại N: Chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đều khẳng định tiền mua đất có nguồn gốc từ tiền bán nhà, đất tại số ** Đ cho bà Vũ Thị L được tổng số tiền là 3.300.000.000 đồng để mua 02 thửa đất ở N; tiền xây nhà có nguồn gốc vay thêm tiền tại Ngân hàng A.

[5] Xét nhà, đất tại số ** Đ, gồm: Thửa số 19 đã được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Hồ Lâm T và công trình nhà trên đất. Anh Hồ Lâm T cho rằng đất và tiền xây nhà đều là của bố mẹ anh Hồ Lâm T cho, còn chị Nguyễn Huyền T

cho rằng bố anh Hồ Lâm T chỉ cho đất, nhà trên đất là tiền của mẹ chị Nguyễn Huyền T cho để xây dựng. GCNQSDĐ thửa số 19 được cấp ngày 08-9-2015 mang tên ông Hồ Đình T (bố của anh Hồ Lâm T), ngày 09-4-2020 được điều chỉnh tại trang 3 GCNQSDĐ thể hiện tặng thửa số 19 cho anh Hồ Lâm T. Do đó, có căn cứ xác định đất thửa số 19 là tài sản anh Hồ Lâm T được bố để tặng cho riêng. Tuy nhiên, trên GCNQSDĐ khi tặng cho, ông Hồ Đình T chưa gắn tài sản là nhà trên đất và sau khi nhận tặng cho đến khi chuyển nhượng cho bà Vũ Thị L, trong Hợp đồng chuyển nhượng cũng không thể hiện trên đất có nhà, như vậy ông Hồ Đình T và anh Hồ Lâm T chưa ghi nhận nhà trên đất là tài sản riêng trước khi thực hiện tặng cho và chuyển nhượng.

[6] Xét chia tài sản chung là nhà, đất tại N: Anh Hồ Lâm T cung cấp các tài liệu chứng cứ mới là các phiếu thu chi phí xây dựng, giấy xác nhận của người bán vật liệu xây dựng, người thi công xây dựng có nội dung là được bố anh Hồ Lâm T thuê thực hiện xây dựng nhà trên thửa số 13. Chị Nguyễn Huyền T cung cấp các bản ghi âm về nội dung khi chị Nguyễn Huyền T trình bày việc xây nhà tại số ** Đ là do gia đình chị Nguyễn Huyền T cho tiền để xây, bố anh Hồ Lâm T nghe xong không hề có ý kiến phản đối về nội dung đó. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ không đủ để chứng minh nguồn tiền xây nhà ** Đ là của riêng bố anh Hồ Lâm T cho hay của riêng mẹ chị Nguyễn Huyền T cho để xây dựng.

[7] Mặt khác, anh Hồ Lâm T, chị Nguyễn Huyền T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 26-9-2018, ngày 30-12-2019 đăng ký kết hôn tại UBND. Nhà ** Đ xây dựng từ khoảng tháng 03-2019 đến khoảng tháng 12-2019 hoàn thiện, đến tháng 4-2020 thì vợ chồng chuyển vào sinh sống. Do đó, không đủ căn cứ để xác định toàn bộ nhà, đất tại ** Đ là tài sản riêng của anh Hồ Lâm T được bố để tặng, mà xác định vừa có phần là tài sản riêng của anh Hồ Lâm T và vừa có phần là tài sản chung vợ chồng. Như vậy, nguồn tiền để mua 02 thửa đất số 595, 596 phát sinh từ cả tài sản riêng và tài sản chung của hai vợ chồng mà có. Sau khi bán tài sản riêng cùng tài sản chung vợ chồng tại số ** Đ để mua 02 thửa đất số 595, 596 tại N, anh Hồ Lâm T đã xác lập phần tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung vợ chồng, thể hiện tại GCNQSDĐ cấp cùng ngày 26-3-2021 đều mang tên ông Hồ Lâm T và bà Nguyễn Huyền T. Nhưng xét thấy, đất tại ** Đ có nguồn gốc của bố anh Hồ Lâm T cho, nên xét về công sức đóng góp của mỗi người thì phần đóng góp của anh Hồ Lâm T là nhiều hơn chị Nguyễn Huyền T. Bản án sơ thẩm chia anh Hồ Lâm T được hưởng 60% và chị Nguyễn Huyền T được hưởng 40% là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn anh Hồ Lâm T yêu cầu được hưởng 80% giá trị nhà và đất là không có căn cứ.

[8] Tại tòa, chị Nguyễn Huyền T nhất trí được sở hữu nhà, đất tại N và thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Hồ Lâm T. Cần giao cho chị Nguyễn Huyền T được sở hữu nhà, đất tại N và buộc chị Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho anh Hồ Lâm T số tiền chênh lệch 60% giá trị tài sản nhà, đất.

[9] Về khoản nợ tại Ngân hàng A thấy rằng: Tại cấp phúc thẩm, đã phát sinh tình tiết mới, Ngân hàng A đã có văn bản từ chối tham gia là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ngày 14-2-2025 anh Hồ Lâm T và chị Nguyễn Huyền T đã trả hết nợ; anh Hồ Lâm T yêu cầu chị Nguyễn Huyền T phải trả 67.000.000

đồng tiền lãi, anh Hồ Lâm T đã thanh toán. Thấy rằng, Bản án sơ thẩm đã buộc chị Nguyễn Huyền T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh Đ số tiền 3.135.771.817 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29-08-2024, chị Nguyễn Huyền T đã trả được 1.556.904.109 đồng; ngày 14/02/2025, anh Hồ Lâm T đã tự nguyện trả cho Ngân hàng A - chi nhánh số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, và tiền lãi 120.000.000 đồng. Như vậy, anh Hồ Lâm T đã thay chị Nguyễn Huyền T thực hiện nghĩa vụ trả nợ 1.620.000.000 đồng, cần buộc chị Nguyễn Huyền T trả lại cho anh Hồ Lâm T số tiền là 1.620.000.000 đồng.

[10] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát: Cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu về khoản cho vay chung 300.000.000 đồng cho bà Tăng Thuý V vay nhưng lại xem xét, giải quyết, không thụ lý yêu cầu phản tố đối với yêu cầu tài sản chung, nợ chung của anh Hồ Lâm T mà lại thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện là không chính xác, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Thấy rằng, yêu cầu này có thể giải quyết trong cùng một vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật, nội dung giải quyết này không làm thay đổi bản chất vụ án; các bên đương sự không kháng cáo nội dung này nên cần giữ nguyên; nếu có tình tiết mới thì có thể xem xét theo trình tự tái thẩm.

[11] Bản án sơ thẩm có một số sai sót, cụ thể:

[11.1] Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ nhà đất tại N không trích đo diện tích đất, không thể hiện tài sản trên đất. Cấp phúc thẩm đã thực hiện xem xét thẩm định bổ sung, thể hiện trích đo khu đất và tài sản trên đất, đảm bảo để chia tài sản nhà đất tại N bằng hiện vật có trích đo cụ thể, đảm bảo cho công tác thi hành án.

[11.2] Thứ hai, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là căn hộ chung cư tại Thành phố Hà Nội tổng chi phí là 4.600.000 đồng, nhưng tại Biên bản giao nhận tiền ngày 20-5-2024 thể hiện số tiền đã chi là 5.000.000 đồng, có sự chênh lệch 400.000 đồng so với tài liệu đã chi trong hồ sơ; Ngân hàng T đã nộp tạm ứng chi phí 20.000.000 đồng, ngày 20-5-2024 Ngân hàng đã được Tòa án cấp sơ thẩm hoàn trả chi phí còn thừa 15.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng cung cấp văn bản có nội dung xác định đã thực hiện chi tổng số tiền là 5.000.000 đồng, Ngân hàng đã nhận đủ tiền chi phí tổ tụng còn thừa và không thắc mắc gì về nội dung này. Do đó, thấy rằng số tiền chênh lệch so với biên bản giao nhận tiền ngày 20-5-2024 là do sai sót của cấp sơ thẩm, ghi thiếu số tiền đã chi trong hồ sơ, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[11.3] Thứ ba, Bản án sơ thẩm không buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Cần buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[12] Thứ tư, Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất được nghĩa vụ trả nợ chung, theo đó chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T nhất trí với các yêu cầu độc lập của Ngân hàng T. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà xử chấp

nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng T là không phù hợp. Thấy rằng, không có sự thay thỏa thuận toàn bộ, anh Hồ Lâm T và chị Nguyễn Huyền T không thống nhất được nội dung sau khi xử lý tài sản thế chấp, tiền thừa, tiền thiếu nên kháng nghị này không có căn cứ.

[12] Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại án phí sơ thẩm như sau:

[12.1] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự thuận tình ly hôn tại phiên tòa sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Bản án sơ thẩm xác định chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

[12.2] Về án phí chia tài sản chung: Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị Nguyễn Huyền T, anh Hồ Lâm T còn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, cụ thể: Anh Hồ Lâm T được hưởng tài sản chung có giá trị là 1.115.932.309 đồng (giá trị nhà, đất tại N), 240.000.000 đồng (giá trị chênh lệch tài sản là xe ô tô), 250.000.000 đồng (giá trị chênh lệch tài sản là tiền tiết kiệm). Tổng cộng 1.605.932.309 đồng giá trị tài sản; tương ứng án phí có giá ngạch là 60.177.969 đồng. Chị Nguyễn Huyền T được hưởng tài sản chung có giá trị là 743.954.873 đồng (giá trị nhà, đất tại N), 360.000.000 đồng (giá trị chênh lệch tài sản là xe ô tô), 250.000.000 đồng (giá trị chênh lệch tài sản là tiền tiết kiệm). Tổng cộng 1.153.954.646 đồng giá trị tài sản; tương ứng án phí có giá ngạch là 46.618.646 đồng.

[12.3] Về án phí đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng T được chấp nhận: Theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Ngân hàng không phải chịu án phí, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng được chấp nhận. Cụ thể là, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng T là 1.617.086.659 đồng và 11.868.419 đồng tiền lãi, tổng là 1.628.955.078 đồng, mỗi người phải chịu án phí là 60.868.652 đồng.

[12.4] Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Huyền T phải chịu là 107.487.298 đồng, anh Hồ Lâm T phải chịu là 121.046.621 đồng.

[12.5] Ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T nợ gốc và lãi tính đến ngày 25-7-2024 là 1.753.095.842 đồng. Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, ông Tuệ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 64.592.875 đồng.

[13] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hồ Lâm T, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, vụ án có tình tiết mới nên cần sửa Bản án sơ thẩm theo những nội dung phân tích nêu trên.

[14] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại anh Hồ Lâm T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

[15] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[16] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hồ Lâm T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ-ST ngày 30-7-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 24, khoản 1, khoản 6 Điều 26, điểm a, b, c, e khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tài sản chung:

1.1. Chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất số 595 và 596, đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 96 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cùng toàn bộ nhà và các tài sản có trên đất tại khu đô thị NI, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS-07** (cho thửa 595) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS-07*** (cho thửa 596), cấp cùng ngày 26-3-2021 và mang tên ông Hồ Lâm T và bà Nguyễn Huyền T cho chị Nguyễn Huyền T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng. Nhà và 02 thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 594; phía Tây giáp thửa đất số 597; phía Nam giáp đường V; phía Bắc giáp phần đất làm khe thoát của khu đô thị (có trích đo khu đất kèm theo Bản án). Chị Nguyễn Huyền T có nghĩa vụ đăng ký kê khai, điều chỉnh biến động GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

1.2. Giao chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu PECGEOT, biển kiểm soát 12A-130**, đăng ký xe mang tên Nguyễn Huyền T cho chị Nguyễn Huyền T được quyền

quản lý, sở hữu, sử dụng; anh Hồ Lâm T có trách nhiệm bàn giao chiếc xe ô tô trên cho chị Nguyễn Huyền T.

1.3. Buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả cho anh Hồ Lâm T các khoản tiền gồm: Số tiền 1.115.932.309 đồng (một tỷ, một trăm mười lăm triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm linh chín đồng) là giá trị tài sản anh Hồ Lâm T được chia đối với nhà đất tại khu đô thị Nvà 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) là phần giá trị của chiếc xe ô tô và 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là $\frac{1}{2}$ số tiền tiết kiệm, là toàn bộ giá trị tài sản mà anh Hồ Lâm T được chia.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T số tiền nợ gốc và lãi, tính đến ngày 25-7-2024 tổng là 1.753.095.842 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu, không trăm chín lăm ngàn, tám trăm bốn hai đồng), cụ thể trả cho mỗi người là 876.547.921 đồng (tám trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn bảy ngàn, chín trăm hai một đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Lâm T đòi chia số tiền 1.850.000.000 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), yêu cầu bà Tăng Bích Vân trả số tiền nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

4. Về trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng A: Xác nhận chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T đã thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 8402LAV202300016 ký ngày 17-01-2023. Buộc chị Nguyễn Huyền T phải trả lại cho anh Hồ Lâm T 1.620.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần T. Về trách nhiệm thanh toán nợ, cụ thể:

5.1. Chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc làm tròn là 1.617.086.659 đồng (một tỷ sáu trăm mười bảy triệu, không trăm tám sáu ngàn, sáu trăm năm chín đồng) và 11.868.419 đồng (mười một triệu, tám trăm sáu tám ngàn, bốn trăm mười chín đồng) tiền lãi tạm tính đến ngày 25-7-2024 và có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26-7-2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng TTC20229254**** đã ký ngày 6-9-2022 và các khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 26-7-2024 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp chị Nguyễn Huyền T hoặc anh Hồ Lâm T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ số T30.22** tại tầng **, khối tháp ** cùng quyền sử dụng các phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung của khu căn hộ tại thửa đất số B Khu chung cư cao tầng trên ô quy hoạch B3-CT03 thuộc Dự án M có địa chỉ tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp xong không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, chị Nguyễn Huyền T và anh Hồ Lâm T mỗi người có trách nhiệm trả tiếp $\frac{1}{2}$ số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng T.

5.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền phạt là 259.257.712 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm bảy ngàn, bảy trăm mười hai đồng).

6. Về chi phí tố tụng

Buộc chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hồ Lâm T số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí tố tụng anh Hồ Lâm T đã tạm ứng thanh toán.

Xác nhận chi phí tố tụng xem xét, xác minh tài sản tại xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội, Ngân hàng T đã chi nay tự nguyện chịu toàn bộ.

7. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí sơ thẩm:

8.1. Chị Nguyễn Huyền T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 107.487.298 đồng (một trăm linh bảy triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Chị Nguyễn Huyền T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000180 ngày 26-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, buộc chị Nguyễn Huyền T phải nộp tiếp số tiền án phí có giá ngạch là 107.187.969 đồng (một trăm linh bảy triệu một trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng).

8.2. Anh Hồ Lâm T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 121.046.621 đồng (một trăm hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Anh Hồ Lâm T được khấu trừ vào số tiền 57.975.000 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000084 ngày 15-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, buộc anh Hồ Lâm T phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 63.071.621 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm hai mươi một đồng).

8.3. Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 50.999.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000193 ngày 02-4-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, sung ngân sách Nhà nước.

8.4. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 64.592.875 đồng (sáu mươi tư triệu năm trăm chín hai ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) sung ngân sách Nhà nước.

9. Về án phí phúc thẩm: Anh Hồ Lâm T Tùng không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Hồ Lâm T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000373 ngày 22-8-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/6/2025./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiêm